

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 5

TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 7 tiết

ÔN TẬP, KIỂM TRA, TRẢ BÀI (4 tiết)

A. TỔNG QUAN

MỤC TIÊU BÀI HỌC	
1. Về kiến thức	❖ Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền ❖ Học sinh phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản được học ❖ Học sinh nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân
2.1 Về năng lực chung	- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
2.2 Về năng lực đặc thù	❖ Học sinh viết được báo cáo nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn ❖ Học sinh biết lắng nghe, phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu
3. Về phẩm chất	Học sinh có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại
NỘI DUNG BÀI HỌC	

Đọc	● Xúy Vân giả dại (Trích chèo Kim Nham) ● Huyện đường (Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến)
Viết	● Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam)
Nói và nghe	● Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu
Củng cố mở rộng	● Ôn tập kiến thức về sân khấu dân gian

TIẾT 44. VĂN BẢN ĐỌC

XÚY VÂN GIẢ DẠI

(Trích chèo Kim Nham)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Học sinh vận dụng tri thức Ngữ văn để:
 - + Xác định bố cục của đoạn trích chèo
 - + Nêu được nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân
 - + Xác định đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật
 - + Phân tích được một đoạn lời thoại để thấy được mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm nhân vật Xúy Vân
 - + Xác định được các đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn...)
- Học sinh xác định được tầm quan trọng văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện làm nền cho toàn bộ hoạt động biểu diễn của vở chèo, tầm quan trọng của diễn xuất gồm hát, múa và các hình thức biểu cảm trong vở chèo
- Học sinh tìm hiểu thêm ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của Việt Nam xưa

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng tri thức đọc hiểu để đọc hiểu văn bản
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

3. Về phẩm chất

Học sinh đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xúy Vân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: GV cho HS xem một đoạn video trích từ vở chèo Kim Nham HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu video Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ cảm nhận về những đặc sắc qua đoạn trích mà con cảm nhận được Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: - Học sinh vận dụng tri thức Ngữ văn để: ○ Xác định bố cục của đoạn trích chèo ○ Nêu được nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân ○ Xác định đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật ○ Phân tích được một đoạn lời thoại để thấy được mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm nhân vật Xúy Vân	

- **Xác định** được các đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn...)

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về từng vị thần bằng nhiều hình thức khác nhau
- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm nhận nhiệm vụ tìm hiểu một vấn đề của văn bản

Nhóm 1. Bố cục và nguyên nhân Xúy Vân giả dại.

Nhóm 2. Phân tích đoạn lời thoại thể hiện “ngôn ngữ điên” của nhân vật.

Nhóm 3. Phân tích đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất mâu thuẫn nội tâm trong lòng Xúy Vân.

Nhóm 4. Phân tích cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xúy Vân qua lời thoại theo điệu “con gà rừng”

Câu hỏi mở rộng nhóm 1,2,3,4:
Nhận xét hành động giả dại của Xúy Vân – HS thảo luận

Nhóm 5. Đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân

Nhóm 6. Đặc điểm của ngôn ngữ

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

B. Tìm hiểu văn bản 1

I. Tìm hiểu chung

1. Đọc

2. Bố cục

Có thể chia đoạn trích thành 3 phần:

+ Phần 1: Xúy Vân xuất hiện (từ đầu đến “ai biết là ai?”).

+ Phần 2: Xúy Vân xưng danh (từ “bước chân vào” đến “Ồ”).

+ Phần 3: Xúy Vân giải bày (đoạn còn lại).

II. Đọc - hiểu đoạn trích

1. Nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân

- **Nguyên nhân trực tiếp:** Lời xúi dục và hứa hẹn ngon ngọt của Trần Phương - gã người tình trắng hoa và đều cáng (nguyên nhân này có thể được nhận biết một phần qua những chi tiết ngoài văn bản, ở đoạn tóm tắt tác phẩm và một phần qua chính đoạn xưng danh của Xúy Vân trong văn bản).

chèo được thể hiện qua đoạn trích Câu hỏi mở rộng cho nhóm 5,6: Nghệ thuật chèo được biểu hiện trong đoạn trích như thế nào? Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Thảo luận và phản biện: 3 phút Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện bài làm bằng nhiều hình thức khác nhau tùy chọn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các ý cơ bản	- Nguyên nhân sâu xa: nỗi buồn chán, cô đơn khi phải sống xa chồng và niềm khát khao cảnh sống êm đềm, hạnh phúc của Xuý Vân được bộc lộ qua lời thoại: <i>đau, chờ, đợi, chả nên gia thất thì về, mặc, điên cuồng, rõ đại, đắng cay, ức, thương, nhớ.</i> 2. Đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điền” của nhân vật - Đoạn lời thoại gắn liền với điệu “hát ngược” ở cuối văn bản (đoạn trích). + Điều dễ thấy trước hết ở đây là rất nhiều đối tượng, sự vật được nhắc đến nhưng giữa chúng không có mối liên hệ gì với nhau. Có cảm tưởng Xuý Vân đã tiện đâu nói đó, nhớ gì nói nấy, mỗi câu nói như một mảnh rời, được gá ghép với nhau một cách lộn xộn. + Điều thứ hai là mọi sự đã được nhân vật nhìn theo một logic ngược, phải đảo lại hoàn toàn thì mới đúng với ghi nhận của tri giác thông thường: <i>“Chuột đậu cành rào, muỗi áp cánh dơi,/ Ông Bụt kia bẻ cổ con nai,/ Cái trứng gà mà tha con quạ lên ngôi trên cây”,...</i> Tất cả những điều trên dễ dàng đưa đến cho người nghe, người đọc cảm giác rằng người nói quả thực là một kẻ điên hoặc không bình thường. Ở đây, khi xây dựng lời thoại của Xuý Vân, tác giả dân gian đã khéo vận dụng những bài ca dao nói ngược đầy tính hài hước vốn khá phổ biến trong kho tàng ca dao, chẳng hạn: <i>“Bước sang tháng Sáu giá chân/ Tháng Chạp năm</i>
--	--

*trần bức đồ mồ hôi/ Con chuột kéo cày lồi lồi/
Con trâu bứt gạo vào ngôi trong cong”...
Hoặc: “Trời mưa cho mối bắt gà/ Thòng đong
cân cần đuổi cò lao xao/ Lươn nằm cho trúm
bò vào/ Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô”,...*

3. Đoạn lời thoại thể hiện rõ những mâu thuẫn giăng xé trong nội tâm của Xúy Vân.

- Đoạn lời thoại được thể hiện bằng điệu “quá giang”. Ở đây, ta vừa thấy một Xúy Vân buông xuôi, thuận theo sự chi phối của hoàn cảnh “*Cách con sông nên tôi phải lụy đờ*”, vừa thấy một Xúy Vân muốn phản kháng “*Chả nên gia thất thì về,/ Ở làm chi mãi cho chúng chê, bạn cười.*”. Đặc biệt, bên cạnh một Xúy Vân buông thả theo chuyện “*gió trăng*” là một Xúy Vân luôn có nỗi hồ thẹn ngấm ngấm, muốn thanh minh, phân bua và cũng biết tự dặn lòng cần giữ tiết “*Tôi chấp tay lạy bạn đừng cười,/ Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng./ Gió trăng thời mặc gió trăng,/ Ai ơi giữ lấy đạo hằng chớ quên.*”.
- Đoạn lời thoại thể hiện mâu thuẫn giăng xé trong nội tâm của nhân vật Xúy Vân nhất là từ “*Bước chân vào tôi thưa rằng vậy*” đến “*Nên đến nỗi điên cuồng rồi đại*”. Trong văn bản, Xúy Vân nói với mọi người mà nàng gọi là “*chị em*”, cũng như đang tự vấn chính mình. Nàng tự xưng tên họ, nói bản thân có “*tài cao vô giá*”, “*hát hay đã lạ*”, được gọi là “*cô ả Xúy Vân*”, cho thấy ở nàng một cô gái xinh đẹp,

hát hay, đáng trân trọng. Thế nhưng lại rơi vào nỗi đau khổ khi trót bỏ chồng để đi theo một người đàn ông phụ bạc, “*phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương*”. Một bên là người con gái đang tuổi xuân thi, với một bên là nỗi đau đón tủi nhục vì bị ruồng bỏ, sự đối lập này đã cho thấy rõ tâm trạng ân hận của Xúy Vân, chính bi kịch ấy đã đẩy nàng “*đến nỗi điên cuồng, rồ dại*”. Nỗi ân hận của Xúy Vân tuy muộn màng nhưng cũng cho thấy sự thức tỉnh của nhân vật, điều đó thể hiện nàng đã nhận ra lỗi lầm của mình, đang đấu tranh đau khổ với nỗi ân hận và đau đớn khi đã phụ bạc Kim Nham.

4. Cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xúy Vân qua lời thoại theo điệu “con gà rừng”

Đoạn lời thoại được thể hiện theo điệu “con gà rừng” cho thấy nỗi đắng cay, tâm tức của Xúy Vân khi bị đặt vào một hoàn cảnh không được như ý, có cái gì như là sự cộc cạch, bất tương xứng, chẳng khác tình trạng “*Con gà rừng ăn lẫn với công*”. Nỗi niềm này không thể được tỏ bày “*láng giềng ai hay?*”, bởi làm sao có thể nói về một điều do “*xuân huyên*” (cha mẹ) sắp đặt. Sâu trong lòng, nàng chỉ ao ước được sống trong cảnh vợ chồng sum họp, hoà thuận: “*Chờ cho bông lúa chín vàng,/ Để anh đi gặt, để nàng mang cơm*”. Nếu việc lặp lại hai dòng “*Bông bông dất, bông bông dúi,/ Xa xa lắc, xa xa lúu*” nhằm diễn tả cảm giác vui vầy, ríu rít của đôi vợ chồng được cùng làm lụng bên

nhau, giúp đỡ nhau (theo tưởng tượng, ước mong hơn là theo thực tế), thì việc lặp lại dòng “*Láng giềng ai hay, ước bởi xuân huyền*” (cách quãng, dòng đặt giữa đoạn, dòng đặt cuối đoạn) lại nhằm biểu đạt nỗi ám ức, bất bình trước thực tại, cố nén xuống bao nhiêu lại dội lên bấy nhiêu. Từ “**ức**” là tiếng đệm trong câu hát, vừa mô phỏng tiếng kêu của con gà ghen thóc, vừa mang nghĩa bất bình, uất ức. Nói chung, sự xen kẽ giữa niềm vui và nỗi buồn trong tâm trạng Xúy Vân đã thể hiện rất rõ khát khao hạnh phúc của nhân vật. Đó là điều cần được cảm thông.

NHẬN XÉT HÀNH ĐỘNG GIẢ DẠI CỦA XÚY VÂN:

- Trong xã hội Việt Nam xưa, con người cá nhân chưa được tôn trọng. Điều đó dẫn tới việc những đòi hỏi về quyền tự quyết lối sống hay quyền lựa chọn người mình yêu thương bị phán xét một cách nghiêm khắc. Với người phụ nữ, những khát vọng mang tính chất “vượt rào” lại càng bị ngăn trở, cấm đoán ngặt nghèo. Đây là nguyên nhân chính khiến Xúy Vân phải che giấu động cơ và mong muốn thật của mình dưới một hình thức tiêu cực là giả dại.
- Quả là trong tình cảnh ấy, Xúy Vân khó có sự lựa chọn nào khác, trừ khi phải tự dập tắt khát vọng hạnh phúc của chính mình. Rõ ràng, hành động của Xúy Vân đáng được nhìn bằng

ánh mắt bao dung và thái độ chia sẻ, cảm thông, bất chấp việc lựa chọn bạn tình của cô có thật sự tỉnh táo hay không, vì đây là hai vấn đề khác nhau. Việc khán giả bình dân xưa yêu thích lớp chèo Xuý Vân giả dại cũng như toàn bộ vở Kim Nham cho thấy câu chuyện của Xuý Vân không phải là câu chuyện cá biệt. Qua đây có thể nói, nhân vật Xuý Vân đã nhận được sự đồng cảm của bao nhiêu người.

5. Đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xuý Vân

- Xưng danh là hình thức giới thiệu, thể hiện nhân vật rất riêng biệt của sân khấu dân gian Việt Nam, không chỉ có trong chèo mà còn có cả trong tuồng nữa. Hình thức xưng danh này đáp ứng yêu cầu của khán giả bình dân muốn nắm bắt nhanh chóng về loại, đặc điểm và vai trò của nhân vật, ngay từ lúc nhân vật vừa xuất hiện trên sân khấu (nhân vật thuộc vai chín (tích cực) hay vai lệch (tiêu cực), tính cách ra sao, có vị trí thế nào trong tích trò). Khi đã được nghe những lời xưng danh, khán giả không còn phải bỏ nhiều công để suy đoán về tính cách của nhân vật nữa để có thể tập trung theo dõi nghệ thuật trình diễn (múa, hát) của diễn viên (sự thực, sau màn xưng danh, diễn viên chỉ cố sức thể hiện như thế nào cho nổi bật điều đã được báo trước qua những câu chào hỏi).
- Nội dung xưng danh thường cho biết một cách

rất khái quát về danh tính, quê quán, thân phận, gia cảnh, tính cách,... của nhân vật, trong đó, ngay cả nét xấu của nhân vật cũng được nói ra rất tự nhiên (ví dụ, Xuý Vân đã nói về mình: “*Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương,/ Nên đến nỗi điên cuồng, rõ đại.*”). Từ góc nhìn của một khán giả, độc giả hiện đại, cách tự giới thiệu này có vẻ không logic, nhưng đối với người xưa, nó đã được chấp nhận như một quy ước nghệ thuật. Qua lời chào hỏi kiểu như: “*Chị em ơi!/ Ra đây có phải xưng danh không nhỉ?*” và tiếng đế: “*Không xưng danh, ai biết là ai?*”, có thể nhận ra giữa khán giả và sân khấu không có khoảng cách nào đáng kể. Nói cách khác, sân khấu là một không gian được hình thành tự nhiên giữa vòng vây của khán giả, gây cảm tưởng diễn viên là người vừa bước tách ra khỏi đám đông để lên sân diễn. Trong khi đó, những khán giả còn lại không hề giữ vai trò thụ động vì họ vẫn có thể tham gia vở diễn ở một số hoạt động nhất định (chẳng hạn tạo tiếng đế sau lời hỏi của nhân vật – diễn viên).

6. Đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích

- Trong chèo, lời thoại của nhân vật có thể được thể hiện bằng hình thức của lời nói thường hoặc hình thức của thơ.
- Ở phần lớn trường hợp, giữa hai hình thức này có sự kết hợp linh hoạt. Những lời thoại có

hình thức thơ mà người đọc nhận thấy trên văn bản sẽ được hát lên theo các làn điệu khác nhau khi diễn viên thể hiện trên sân khấu. Bóng dáng của thơ bốn chữ hay thơ lục bát thường hiện diện trong lời thoại của nhân vật với nhiều biến đổi ở cách ngắt nhịp và số tiếng, một phần có thể do sự chi phối của điệu hát hay ngữ điệu của lời nói thường. Có khi, ta gặp ở đây những cặp lục bát theo đúng mô hình chuẩn như: *“Gió trắng thời mặc gió trắng,/ Ai ơi giữ lấy đạo hằng chớ quên”* hay: *“Chờ cho bông lúa chín vàng,/ Để anh đi gặt, để nàng mang com”*. Nhưng cũng nhiều khi ta gặp những cặp hoặc đoạn lục bát biến thể: *“Chiếc trống com, ai khéo vỗ nên bông,/ Một đàn các cô con gái lội sông té bèo”*...

- Ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa: *“Bông bông dất, bông bông dít/ Xa xa lắc, xa xa lú”*
- Cách nói ví von giàu tính tự sự trữ tình: *“Tôi không trắng gió lại gặp người gió trắng”, “chờ cho bông lúa chín vàng”, “con cá rô nằm vững chân trâu/ để cho năm bảy cần câu châu vào”,...*

NGHỆ THUẬT CHÈO ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA ĐOẠN TRÍCH:

- Một kịch bản chèo chỉ tìm thấy đời sống thực sự của mình trên sân diễn và việc đánh giá một vở chèo không thể chỉ căn cứ vào văn bản ngôn từ ghi lại lời thoại của các nhân vật.
- Chính diễn xuất đầy tính biểu cảm của diễn

	viên với sự kết hợp nói, hát, múa trên nền hoà tấu của các nhạc cụ dân tộc đã làm nên sự mê hoặc của chèo nói chung và của những lớp chèo nổi tiếng nói riêng. Tích trò (trong đó có sự cố định hoá lời thoại của nhân vật) rất quan trọng, có chức năng làm điểm tựa cho hoạt động diễn xuất của diễn viên nhưng nó không quyết định tất cả thành công của vở diễn. Không phải ngẫu nhiên mà khi nói đến lớp chèo Xúy Vân giả dại, người ta nghĩ trước hết đến diễn xuất tuyệt vời của các diễn viên như Kiều Trọng Đoá, Dịu Hương (theo kịch bản cổ) và Diễm Lộc, Thuý Ngân (<i>theo kịch bản được chỉnh lí, làm mới từ cuối thập niên 70 của thế kỉ XX</i>).
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về đoạn trích, học sinh vận dụng để rèn luyện kĩ năng viết. b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành kết nối đọc – viết	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên giao nhiệm vụ: <i>Viết đoạn văn khoảng 150 chữ, trình bày suy nghĩ của bạn về nỗi niềm của nhân vật Xúy Vân được thể hiện qua lớp chèo Xúy Vân giả dại</i> - Thời gian: 20 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Bài làm mẫu Trong lớp chèo Xúy Vân giả dại, Xúy Vân xuất hiện với hình ảnh người phụ nữ vừa điên loạn lại vừa đáng thương. Nàng đang bị giằng xé giữa tâm trạng hối hận và nỗi tủi nhục vì sự cười chê của người đời. Nàng hối hận, cảm thấy tội lỗi vì đã phụ bạc Kim Nham, lại càng đau đớn vì bị Trần Phương bỏ rơi, Người phụ nữ không còn điểm tựa này còn phải đối mặt

Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	với nỗi cười chê của láng giềng. Trong xã hội phong kiến xưa, đây là một bi kịch lớn với người phụ nữ. Những câu nói điên loạn, kẻ lẽ càng cho thấy sự tuyệt vọng và tủi hổ của nhân vật đã lên đến đỉnh điểm, nàng đang bị mắc kẹt trong nỗi ám ảnh ấy mà không biết chia sẻ cùng ai nên càng rơi vào bế tắc. Hình ảnh Xúy Vân trong lớp chèo này là đại diện cho cảnh ngộ của những người phụ nữ xưa trong xã hội cũ, không được tự quyết định thân phận mình, đến khi muốn tìm hạnh phúc lại bị rơi vào bi kịch.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tìm hiểu thêm ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của Việt Nam thuở xưa. b. Nội dung thực hiện: HS liên hệ ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của VN thuở xưa qua đoạn trích chèo	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	- Qua lớp chèo, có thể thấy được phần nào không gian quen thuộc của nông thôn Việt Nam xưa với các hình ảnh như con sông, bến đò,... những cảnh sinh hoạt như gặt lúa, mang cơm,... - Ta cũng có thể nhận ra sự tồn tại của những thiết chế tinh thần ràng buộc đời sống con người như quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” và dư luận xã hội (rõ ràng ở Xúy Vân luôn có một nỗi ám ảnh về tình trạng “chúng chê, bạn cười”)... - Tin tưởng vào tín ngưỡng: “than cùng bà

	Nguyệt”, “ông Bụt” - Đặc biệt, ta còn cảm nhận được sự đồng vọng thấm thiết giữa những tấm lòng trong cộng đồng làng xã mỗi khi các từ xưng hô như “chị em”, “bạn” vang lên. Hàng xóm láng giềng sống với nhau gần gũi, đoàn kết: Xúy Vân gọi mọi người là “chị em ơi!”, lời nói thủ thỉ tâm tình “Chị em ơi tôi than vài câu nhé, chuyện của Xúy Vân láng giềng cũng đều hay biết
--	--

Phụ lục 1. Rubric chấm phân thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở

	gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện		rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả

			Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 45. VĂN BẢN 2

HUYỆN ĐƯỜNG

(Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đặc điểm thể loại tuồng
- Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Huyện đường”:

2. Về năng lực

- Tóm tắt lại sự việc trong đoạn trích
- Liệt kê những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường, từ tri huyện đến đề lại là lính lệ
- Phân tích sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật tri huyện và đề lại
- Đánh giá thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”
- Nhận xét lời tự giới thiệu (qua hình thức nói dối) của nhân vật tri huyện với lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống.
- Nêu được các lưu ý về diễn xuất của diễn viên khi dựng lại cảnh Huyện đường
- Vận dụng năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại.
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc.

3. Về phẩm chất: Học sinh cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm của cảnh huyện đường

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV đặt câu hỏi: Theo con điểm khác biệt cơ bản nhất giữa chèo và tuồng là gì?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	<i>GV gợi ý đáp án</i> Tuồng – xuất phát từ sinh hoạt ca vũ của người Việt Chèo – xuất phát từ cách tích truyện kể
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để: - Tóm tắt lại sự việc trong đoạn trích - Liệt kê những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường, từ tri huyện đến đề lại là lính lệ - Phân tích sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật tri huyện và đề lại - Đánh giá thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan” - Nhận xét lời tự giới thiệu (qua hình thức nói dối) của nhân vật tri huyện với lời tự giới	

thiệt thường gặp trong đời sống.

b. Nội dung thực hiện:

❖ Học sinh thực hiện phiếu học tập tìm hiểu về nhân vật Đăm Săn.

❖ Học sinh thảo luận, thuyết trình theo yêu cầu.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên phát phiếu học tập

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS chia nhóm 4 – 6 HS thảo luận và hoàn thành phiếu.

Sau đó, các nhóm đổi phiếu cho nhau và hoàn thiện vào phiếu đánh giá chung

Thời gian: 10 phút

Chia sẻ: 3 phút

Làm phiếu đánh giá và trao đổi: 3 phút

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

I. Tìm hiểu chung:

1. Thể loại: Tuồng

2. Xuất xứ:

Đoạn trích thuộc vở tuồng “Nghêu, sò, ốc hén”

Nội dung vở tuồng: Trộm Ốc nhờ thầy bói Nghêu (hay Ngao) gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hén, một gái góa trẻ đẹp. Lý trưởng và Trùm Sò đến lục soát bắt được tang vật, liền giải Thị Hén lên trình quan huyện. Khi đến công đường, Thị Hén đã làm cho quan huyện và thầy đề mê mẩn vì nhan sắc của mình. Kết quả là Trùm Sò mất tiền, thầy Lý bị đòn, Thị Hén được tha bổng. Kết thúc vở là cảnh cả quan huyện, thầy đề, thầy Lý vì mê mẩn Thị Hén chạm mặt nhau và bị các bà vợ đánh ghen tại nhà Thị Hén.

→ Mang tính châm biếm, đả kích quan lại địa phương.

3. Bố cục

+ Phần 1: Tri huyện xưng danh – Lời giới thiệu của tri huyện (từ “Quyền trọng” đến

“chuyên cần”).

+ Phần 2: Thủ đoạn của quan huyện và đề lại (tiếp đó đến “Lệ đâu?”).

+ Phần 3: Lính lệ bắt đầu thực thi kế hoạch của “quan” (đoạn còn lại).

4. Tóm tắt các sự việc chính

- Tri huyện bước ra đầu tiên, tự xưng tên tuổi, chức vụ và kinh nghiệm của mình
- Đề lại theo hầu phía sau, hỏi thăm và thưa với tri huyện về vụ án của Thị Hén
- Sau một hồi bàn bạc, tri huyện và đề lại đưa ra phương án xử tù, phạt đòn và phạt tiền đối với Ốc, Nghêu và lí trưởng còn Sò và Hén thì đợi xem xét
- Lính lệ ra gọi cả bên nguyên, bên bị, nhân chứng vào hầu

II. Đọc hiểu văn bản

1. Lời giới thiệu của tri huyện

Lời giới thiệu đã vạch trần bộ mặt xấu xa của quan huyện:

- Là một kẻ thuộc loại “*ăn trên ngồi trốc*”, hưởng đủ mùi phú quý và quen sống phóng đãng “*Đỉnh chung đà đủ miếng/ Hoa nguyệt cũng quen mùi*”.
- Thực hiện chức phận một cách tồi tệ, cậy quyền cậy thế để tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vợ vét được nhiều.

+ “*Lấy của cây ngọn roi/ Làm quan nhờ lỗ
khẩu/ Sự lí thường phân ầu/ Được thua tự
đồng tiền/ Dân xã nếu không kiêng/ Bỏ
xuống lao giam ki*”.

+ “*Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng
phải chuyên cần*”.

→ Hai từ “*thú vị*” và “*chuyên cần*” cho thấy
tri huyện đã hài lòng biết bao với cuộc sống
của mình. Ông ta càng “chuyên cần” thì dân
đen càng khôn đồn.

→ Nhận xét:

Hình ảnh quan huyện hiện lên qua giọng điệu
đầy châm biếm, sâu cay. Theo cách nhìn
của tác giả dân gian, trong xã hội xưa, đây
là đặc điểm chung của tầng lớp thống trị chứ
không phải đặc điểm của một nhân vật cá
biệt nào.

→ **Liên hệ thực tế:** Thông thường, trong đời
sống, khi tự giới thiệu, không ai muốn nói
ra những cái xấu của bản thân. Nhưng ở
đây, nhân vật tri huyện đã làm điều ấy. Rõ
ràng, lời thoại không phải là ngôn ngữ tự
nhiên của nhân vật mà ngôn ngữ của nghệ
thuật, đảm nhiệm các chức năng vừa thể
hiện hành động theo tích trò đã xác định,
vừa định hướng suy nghĩ, cảm nhận của
khán giả, độc giả về chính sự việc đang diễn
ra.

2. Thủ đoạn của quan huyện và đề lại

- **Những lời thoại chính của tri huyện** cần được kể đến: “Sự lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền”; “Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được”; “Phải, nắm đũa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”; “...lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào lại chả được”.

- **Những lời thoại của đề lại:** “Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hên thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả”; “Bẩm quan xử thật sâu sắc”; “Vâng ạ, quan xử hay lắm”.

- **Lời thoại của lính lệ:** “Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hên biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đây”. Tất cả những lời thoại nêu trên cho thấy mọi mối bận tâm của tri huyện, đề lại và lính lệ đều chỉ xoay quanh một chữ “tiền”.

→ Tác giả dân gian đã xây dựng được hệ thống lời thoại hết sức tinh tế, hàm súc. Trong mỗi lời nhân vật thốt ra dường như có sẵn một mũi dao chĩa ngược về chính người nói.

→ **Đồng thời, có sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật tri huyện và đề lại**

+ Khi tri huyện nói muốn để trường hợp của

	Sò lại vì nó rất giàu, đề lại đã đưa ra phương án để nói với mọi người là “ta cứ bảo là đề tra cứu đã” + Đề lại nói muốn xử cho xong những bọn trọc đầu, tri huyện lập tức hưởng ứng “phải, nắm đũa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu” + Đề lại khen ngợi, tặng bốc, nịnh nọt với cách xử kiện của tri huyện “bẩm quan xử thật sâu sắc”, “vâng ạ, quan xử hay lắm” → Dựa vào cách nói chuyện có thể thấy hành vi xấu xa này của chúng đã xảy ra thường xuyên và lặp lại nhiều lần nên được phối hợp và diễn ra rất trơn tru. → Bởi lẽ: Hai nhân vật này có sự tương đồng về bản chất tham lam, xấu xa sách nhiễu, lại có quá trình cấu kết với nhau lâu dài trong việc tróc nã, chiếm đoạt tiền bạc từ người thưa kiện. (Tri huyện vừa phàn nàn về nỗi “<i>Nha lại vắng bẩm thân, / Dân xã không đấu cáo</i>” thì đề lại xác nhận ngay: “<i>Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả</i>”. Rõ ràng các quan chỉ mong có chuyện kiện cáo để kiếm chác. Nói chung, mỗi lời tri huyện nói ra đều được đáp lại bằng tiếng “<i>Vâng</i>” và ngược lại, lời thưa của đề lại có thể nhanh chóng được xác nhận bằng tiếng “<i>Phải</i>”.)
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hành viết kết nối đọc trình bày suy nghĩ về tiếng	

cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích

b. Nội dung thực hiện

- Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích

- **Thời gian:** 15 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Bài làm mẫu

Vở tuồng Huyện đường đã thể hiện cái nhìn châm biếm của tác giả về thói tham nhũng, xử kiện dựa trên đồng tiền của một bộ phận quan lại thói nát vô lương tâm trong xã hội cũ. Tác giả để cho nhân vật tự giới thiệu, bộc lộ bản chất của mình thông qua lời thoại, cử chỉ và ngôn ngữ, không cần dùng đến một từ ngữ phê phán hay bình luận nào. Đây là một cách thể hiện rất khéo léo. Thông qua câu chuyện ở huyện đường, tác giả vừa châm biếm vừa phê phán tầng lớp quan lại, nhưng đồng thời cũng phơi bày trước mắt bạn đọc một xã hội lừa lọc, thủ đoạn và thiếu tình người. Tiếng cười được gửi gắm trong tác phẩm vừa sâu cay vừa mang ý nghĩa phê phán sâu sắc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ **Học sinh nêu** được các lưu ý về diễn xuất của diễn viên khi dựng lại cảnh Huyện đường
- ❖ **Học sinh bàn luận** về vấn đề thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa với chốn cửa quan và so sánh với thời đại ngày nay

b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ diễn xuất cho các nhóm và lưu ý về diễn xuất HS bàn luận mở rộng, thể hiện được quan điểm và góc nhìn của người dân xưa với chốn cửa quan Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận, diễn lại vở tuồng Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Các lưu ý về diễn xuất của diễn viên khi dựng lại cảnh Huyện đường - Hành động, cử chỉ, bước đi, động tác nên mạnh mẽ, rõ ràng, dứt khoát - Động tác và lời nói, sắc thái biểu cảm phải hài hòa với các yếu tố khác như tiếng trống, kèn, nhạc - Đối với vai tri huyện, những đoạn cười nên diễn một cách tự nhiên, thoải mái, bộc lộ được bản chất tham nhũng của nhân vật - Vai đề lại, lính lệ nên nói năng nhỏ nhẹ, ánh mắt láo liên, cười gian xảo Đánh giá thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan” Tục ngữ Việt Nam có câu: “<i>Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ</i>”. Chính câu tục ngữ này đã cho thấy sự đánh giá tổng quát của tầng lớp bị trị xưa về chốn công quyền hoặc chốn “cửa quan”. Rõ ràng, đây là một đánh giá tiêu cực, hàm chứa sự mỉa mai, khinh bỉ, đả kích. Những điều thể hiện trong màn tuồng Huyện đường hoàn toàn thống nhất với cách đánh giá đó. Nói chung, người dân xưa chỉ thấy “cửa quan” là chốn ô trọc, lúc nhúc nhưng kẻ đục khoét đầy mưu mô, luôn tìm cơ hội vơ vét “cho đầy túi tham” và làm hại những người “thấp cổ bé họng”, kể cả thành phần bất hảo nhưng ở thế yếu hơn (như lí

	trưởng, Trùm Sò). Cần phải thấy đây là một cách nhìn nhận có tính lịch sử mà việc khắc phục nó phải gắn liền với những đổi thay cơ bản của thể chế. Hiện nay, định kiến dai dẳng này đã dần được xoá bỏ khi xã hội đã phát triển theo chiều hướng văn minh, tiến bộ.
--	---

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu về đoạn trích tuồng

HỌ VÀ TÊN:

LỚP:

PHIẾU HỌC TẬP HUYỆN ĐƯỜNG

(TRÍCH TUỒNG NGHÊ, SÒ, ỐC, HẾN)

Câu 1. Em hãy nêu bố cục và tóm tắt đoạn trích tuồng bằng một sơ đồ tư duy các sự việc chính



HỌ VÀ TÊN:

LỚP:

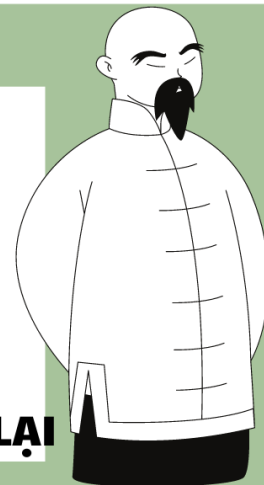
PHIẾU HỌC TẬP HUYỆN ĐƯỜNG

(TRÍCH TƯỜNG NGHÊ, SÒ, ỐC, HẾN)

Câu 2. Liệt kê những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường, từ tri huyện đến đề lại là lính lệ



TRI HUYỆN



ĐỀ LẠI



LÍNH LỆ

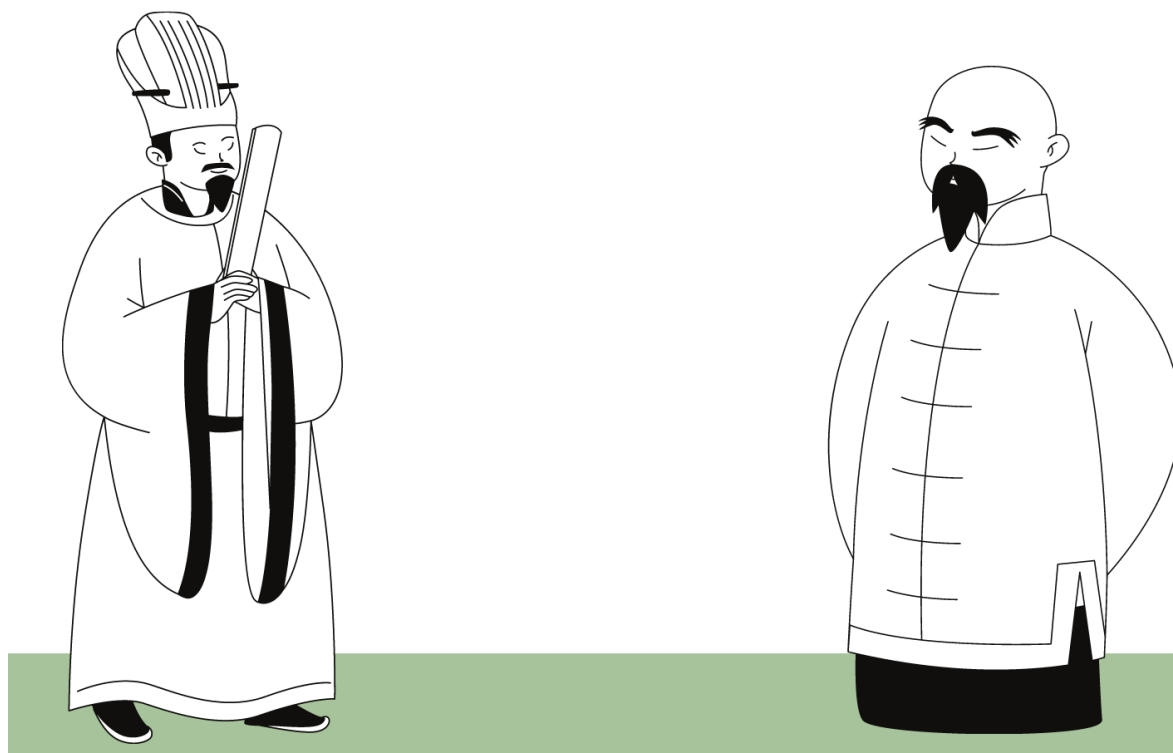
HỌ VÀ TÊN:

LỚP:

PHIẾU HỌC TẬP HUYỆN ĐƯỜNG

(TRÍCH TUỒNG NGHÊU, SÒ, ỐC, HẾN)

Câu 3. Phân tích sự hô ứng nhịp nhàng giữa lời thoại của tri huyện và đề lại



HỌ VÀ TÊN:

LỚP:

PHIẾU HỌC TẬP HUYỆN ĐƯỜNG

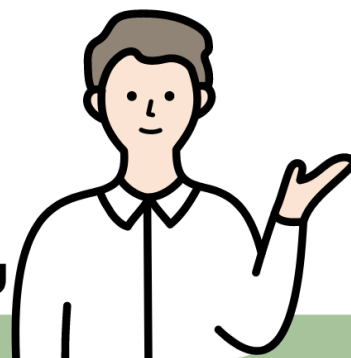
(TRÍCH TUỒNG NGHÊ, SÒ, ỐC, HẾN)

Câu 4. Nhận xét lời tự giới thiệu (qua hình thức nói lối) của nhân vật tri huyện với lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống.



Lời giới thiệu của tri huyện

Lời tự giới thiệu trong đời sống



Phụ lục 2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	ĐÃ LÀM TỐT	RẤT XUẤT SẮC
----------	-------------	------------	--------------

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động

			động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 46. VĂN BẢN 3:

MÚA RỐI NƯỚC – HIỆN ĐẠI SOI BÓNG TIỀN NHÂN

(Phạm Thùy Dung)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Học sinh củng cố văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng, giúp học sinh có thể:

- Củng cố được kiến thức về đặc điểm của một văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật hiện tượng.
- Hiểu được đặc sắc của rối nước – một loại hình nghệ thuật biểu diễn đã cùng với chèo, tuồng làm nên những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam.

2. Về năng lực

❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để đọc hiểu văn bản

3. Về phẩm chất: Học sinh nêu được cảm xúc suy nghĩ về rối nước nói riêng và về nghệ thuật cổ truyền nói chung

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động:	
❖ Học sinh hứng thú tạo tâm thế tích cực cho bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV chiếu hình ảnh clip về nghệ thuật múa rối nước và đặt câu hỏi: <i>Con hiểu và đã</i>	

biết được những thông tin gì về nghệ thuật múa rối nước?

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên chiếu hình ảnh, clip

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học

GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của học sinh

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh củng cố văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng, học sinh có thể

- **Tóm tắt** những thông tin chính của văn bản

- **Xác định** những thông tin cho phép khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền thống thấm đậm tinh thần Việt”

- **Nêu** đặc điểm của cách triển khai thông tin trong văn bản và phân tích mức độ thuyết phục

- **Nêu** nhận xét về phần sa – pô của văn bản và khái quát cách viết sa – pô nói chung

b. Nội dung thực hiện

HS thảo luận nhóm đôi hoặc cá nhân, trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập để tìm hiểu nội dung bài học

I. Tìm hiểu chung

1. Xuất xứ: Văn bản in trong tạp chí Heritage, số ra tháng 7/2019.

2. Thể loại: văn bản thông tin

Học sinh hoàn thành phiếu học tập theo nhóm hoặc cá nhân Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo Gv giải thích thêm *Chức năng của sapô - Hoàn thiện tit, nói rõ chủ đề bài viết và giúp độc giả hình dung được bài viết sẽ nói gì - Tóm tắt thông tin hoặc đưa ra nội dung chủ yếu - Giải thích bài viết, chỉ ra tại sao tác	3. Bố cục + Phần 1 (sa-pô): Rối nước - ấn tượng nổi bật đầu tiên. + Phần 2: (Đoạn 1,2,3): Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước. + Phần 3 (Đoạn 4): Con rối trong trò rối nước + Phần 4 (còn lại): Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước. 4. Tóm tắt những thông tin chính của văn bản - Múa rối nước được hình thành từ thế kỉ XI – XII, thường được biểu diễn trong hội làng, lễ Tết, sau này là các sân khấu, nhà hát.. - Tạo hình và kĩ thuật biểu diễn cố gắng truyền tải nét truyền thống tới khán giả - Sự khác nhau giữa 2 loại hình rối nước và rối cạn. - Múa rối nước trong bối cảnh xã hội hiện đại II. Đọc hiểu văn bản 1. Đoạn Sapô của văn bản: - Được viết thành 1 đoạn riêng biệt - Trình bày ngay đầu tiên - Phong chữ: khác với văn bản - Nội dung: tóm tắt những thông tin chính xác của nghệ thuật múa rối nước 2. Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước
--	---

giả viết về sự kiện hay hiện tượng đó - Nêu rõ hoàn cảnh bài viết ra đời - Thông báo bố cục, phát triển thông điệp - Hs thảo luận nhóm Học sinh hoàn thành phiếu học tập theo nhóm hoặc cá nhân Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	- Nguồn gốc: tương truyền được hình thành từ thế kỉ XI – XII. Múa rối nước “<i>bắt đầu nảy mầm, len lỏi trong lòng các xóm làng chiêm trũng rồi lớn dần lên giữa những sinh hoạt nhỏ bé đời thường</i>”. → Theo thời gian múa rối nước ngày càng trở nên phổ biến và hoàn thiện thông qua những đúc kết của nhiều thế hệ - Không gian: + Trước kia: biểu diễn trên thủy đình, dựng trên mặt ao làng. + Ngày nay: thủy đình được dựng ngay trong các nhà hát và trong các khu du lịch → Nơi biểu diễn gần gũi với môi trường sống của người dân lao động. ➤ → Múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền 3. Con rối trong trò rối nước - Chế tác: những con rối được đẽo gọt từ gỗ sung và được tạo hình rất ngộ nghĩnh - Điều khiển: Người điều khiển sử dụng hệ thống sào kết hợp với dây được gắn ở phần thân dưới để điều khiển con rối ➤ - Vật liệu dùng để chế tác con rối có thể tìm được rất dễ dàng trong môi trường sống của người Việt, đặc biệt, không gian mặt nước dùng làm sân khấu là không gian hoàn toàn quen thuộc ở nông thôn Việt Nam. 4. Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước - Vẫn được duy trì và bảo tồn
---	--

- Cần có sự tâm huyết tìm tòi, sáng tạo, gìn giữ môn nghệ thuật truyền thống
- Khó khăn: hiện nay có nhiều loại hình nghệ thuật mới ra đời

→ Nhận xét về cách triển khai thông tin:

Thông tin được triển khai theo trình tự hợp lý:

- Trình tự thời gian: quá khứ đến hiện tại, tương lai
- Logic: Đi từ những cái chung, khái quát như thời gian, không gian đến điểm nhấn cụ thể, đặc sắc nhất là con rối.

III. Tổng kết

1. Nội dung:

- Văn bản cung cấp thông tin cho người đọc về một loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc ta: múa rối nước
- Thể hiện niềm tự hào và ca ngợi bộ môn truyền thống để người đọc hiểu và trân trọng
- Thấy được thách thức và khó khăn của múa rối nước xã hội hiện nay

2. Nghệ thuật:

- Lời văn rõ ràng, rành mạch
- Ngôn từ phù hợp với văn bản thông tin
- Văn phong mạch lạc, dễ hiểu
- Thể hiện những đặc trưng của một bài tạp chí như nội dung, sapô, bố cục...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ <i>Viết đoạn văn khoảng 150 chữ về chủ đề Múa rối nước – món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực bài viết. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm tham khảo Chắc hẳn trong mỗi chúng ta ai cũng đã từng nghe về bộ môn múa rối nước, đây là loại hình nghệ thuật được xem là món quà kì diệu từ đồng ruộng của làng quê Việt Nam. Bộ môn này hình thành từ thời xa xưa xa xưa, gắn với nếp sống, nếp sinh hoạt và cách cảm cách nghĩ của con người Việt Nam. Chúng được hình thành từ những người nghệ nhân chân chất, từ ao làng, mái đình, mái chùa cổ kính, đến cả những nguyên liệu để làm ra con rối cũng từ gỗ sung, những thứ dân dã và gần gũi với làng quê Việt Nam. Bước ra từ đồng ruộng, thôn quê, với những gì thân thuộc nhất với con người Việt Nam, ngày nay, múa rối nước đã đi vào thành phố, vào nhà hát, trung ương,... nhưng vẫn giữ được những nét đặc trưng ở nơi mà nó ra đời, vẫn là bộ môn nghệ thuật đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nêu được cảm xúc suy nghĩ về rối nước nói riêng và về nghệ thuật cổ truyền nói chung b. Nội dung thực hiện: Học sinh thảo luận và chia sẻ cảm nhận về nghệ thuật múa rối nước và đưa ra các phương án duy trì và phát huy các văn hóa dân gian truyền thống của dân tộc	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Gợi ý một số cảm nhận của học sinh: Văn bản cho em những cảm nhận tốt đẹp và mới mẻ về múa rối nước. Em cảm nhận được múa rối nước là loại hình nghệ thuật cổ

Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ	truyền và lâu đời của dân tộc ta, mang nhiều những nét đặc trưng và thể hiện văn hóa của người Việt. Tuy nhiên, em cũng cảm thấy hơi buồn vì bộ môn này hiện nay không còn được chào đón như trước và đang gặp những khó khăn khi tiếp cận khán giả hiện đại, em mong mọi người và những nghệ nhân múa rối nước sẽ cố gắng bảo tồn và duy trì loại hình nghệ thuật đậm đà bản sắc này của Việt Nam.
---	--

Phục lục 1. Phiếu học tập về Múa rối nước – Tiền nhân soi bóng hiện đại

PHIẾU HỌC TẬP
MÚA RỐI NƯỚC - TIỀN NHÂN SÔI BÓNG HIỆN ĐẠI

Họ tên:

Lớp:

Câu 1. Chỉ ra bố cục và tóm tắt những nội dung chính của văn bản

Câu 2. Những thông tin định hướng khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền thống thấm đẫm tinh thần Việt”

PHIẾU HỌC TẬP
MÚA RỐI NƯỚC - TIỀN NHÂN SOI BÓNG HIỆN ĐẠI

Họ tên:

Lớp:

Câu 3. Đặc điểm của cách triển khai thông tin trong văn bản. Phân tích mức độ thuyết phục của cách triển khai ấy.

PHIẾU HỌC TẬP
MÚA RỐI NƯỚC - TIỀN NHÂN SOI BÓNG HIỆN ĐẠI

Họ tên:

Lớp:

Câu 4.1 Nhận xét về phần sa-pô của văn bản

Câu 4.2 Từ đó rút ra cách viết sa-pô cho một văn bản thông tin nói chung.

Phụ lục 2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo

	thành viên không tham gia hoạt động	Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric viết kết nối với đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 47,48. VIẾT

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh** nêu được vấn đề muốn nghiên cứu về văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam
- ❖ **Học sinh xây dựng** được hệ thống luận điểm sáng rõ; làm nổi bật được các kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh họa cụ thể, sát hợp
- ❖ **Học sinh sử dụng** ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện quan điểm đánh giá riêng
- ❖ **Học sinh khái quát** được ý nghĩa của vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam đã chọn nghiên cứu

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu

3. Về phẩm chất: Học sinh thể hiện được thái độ trung thực khi kế thừa kết quả nghiên cứu của những người khác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ		
a. Mục tiêu hoạt động:		
- Củng cố kiến thức đã học về viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề đã học ở bài 4		
- Dẫn dắt vào nội dung bài học mới		
b. Nội dung thực hiện:		
❖ GV: đưa 5 câu hỏi dạng nối cột, mỗi câu 2 điểm; học sinh lựa chọn từ còn thiếu điền vào chỗ trống trong thời gian 20s/câu hỏi. Sau đó học sinh đối chiếu với đáp án trên slide, đổi bài cho bạn ngồi bên chằm chéo.		
❖ HS chằm chéo và thông báo điểm cho giáo viên.		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập		Gợi ý đáp án
GV đặt câu hỏi:		1. d
a. Chỉnh sửa, hoàn	1. Viết báo cáo nghiên cứu về	2. c

thiện	một vấn đề nhằm phát triển kỹ năng, khám phá về đời sống xã hội và tự nhiên qua tư liệu thu thập được.	3. e 4. b 5. a
b. Tài liệu tham khảo	2. Mục đích của bài viết báo cáo nghiên cứu là trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các... sáng rõ, thông tin xác thực.	
c. Luận điểm	3. Đề cương bài báo cáo nghiên cứu có ... phần	
d. Tìm hiểu	4. Cuối bài báo cáo nghiên cứu phải có danh mục	
e. 4	5. Khâu cuối cùng trong viết báo cáo nghiên cứu là:	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trả lời nhanh vào phiếu cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ đáp án với bạn – chấm chéo Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học		
2. HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU YÊU CẦU KIỂU BÀI a. Mục tiêu hoạt động - Học sinh hệ thống được 5 yêu cầu kiểu bài viết báo cáo về một vấn đề b. Nội dung thực thiện		

- gv gọi 01 hs đọc to mục “Yêu cầu” sgk/140
- Hs đọc to. Gv gọi hs khác chốt mỗi yêu cầu bằng một vài từ khóa.
- Hs ghi vào vở từ khóa vừa được thống nhất

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Em hãy đọc to mục “Yêu cầu” sgk/140.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh đọc to nội dung

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh thống nhất từ khóa và ghi lại vào vở

Bước 4: Kết luận, nhận định

Gv chốt từ khóa

Yêu cầu kiểu bài báo cáo nghiên cứu:

- Nêu vấn đề nghị luận
- Xây dựng luận điểm, cứ liệu
- Ngôn ngữ khoa học
- Khái quát ý nghĩa
- Thái độ trung thực

2. HOẠT ĐỘNG 3: ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ Học sinh xác định được ý nghĩa đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu
- ❖ Học sinh xác định được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa
- ❖ Học sinh chỉ ra tính chất ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm đánh giá riêng của tác giả.
- ❖ Học sinh khái quát được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh tìm hiểu bài viết tham khảo “Ngôn ngữ đối thoại trong chèo”
- ❖ Học sinh định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc thật kỹ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài
- Nhóm 1 câu 1
- Nhóm 2 câu 2
- Nhóm 3 câu 3
- Nhóm 4 câu 4
- HS hoàn thành nhiệm vụ vào phiếu học tập số 1

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh trả lời câu hỏi

Học sinh rút ra được các bước để thực hiện một báo cáo nghiên cứu

1. Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho biết điều gì về nội dung và phạm vi nghiên cứu?

Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho thấy nội dung và phạm vi nghiên cứu là về loại hình sân khấu chèo và ngôn ngữ đối thoại của chèo.

2. Báo cáo nghiên cứu có những luận điểm chính nào?

Những luận điểm chính của bản báo cáo:

1. Một câu đối thoại hay là một câu nói vừa giải thích được những đặc điểm riêng của nhân vật đồng thời lại là sự thể hiện của nhân vật đó.
2. Ngôn ngữ trong vở chèo mang tính tư

Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	tưởng. 3. Trong khi viết ngôn ngữ cho nhân vật, các tác giả xưa rất chú ý đến nhịp điệu và âm luật câu văn. 4. Ở một số vở chèo xưa, có những nhân vật không hề có tiếng nói của bản thân họ mà nói bằng một loại ngôn ngữ nâng cao. 5. Một đặc điểm nữa trong ngôn ngữ đối thoại trong chèo là tính ước lệ. 6. Về mặt hình thái văn học, ngôn ngữ trong chèo được trình bày dưới ba dạng: nói thường, nói có tuyến luật và hát. 3. Tác giả đã sử dụng cứ liệu như thế nào để làm sáng tỏ các luận điểm? Tác giả đã sử dụng những cứ minh họa rất chọn lọc lấy từ nhiều kịch bản chèo khác nhau để tăng tính thuyết phục 4. Cuối báo cáo nghiên cứu không có danh mục tài liệu tham khảo? Hãy cho biết suy nghĩ của bạn về điều này. - Phần cuối không có danh mục tài liệu tham khảo, từ đó cho thấy người viết báo cáo này có kiến thức rất tốt về chèo và chủ động, tích cực, không dựa dẫm vào các nguồn tài liệu có sẵn. - Tài liệu tham khảo chỉ là một phần của chuyên khảo “Mấy vấn đề trong kịch bản chèo”+ các điều kiện nghiên cứu có tính đặc thù. - Tuy nhiên, việc lập danh mục và sử dụng các tài liệu tham khảo là cần thiết bởi yêu cầu khoa học nghiêm túc và đảm bảo sự kế thừa, phát triển, tránh tình trạng đạo văn.
4. HOẠT ĐỘNG 4: THỰC HÀNH VIẾT a. Mục tiêu hoạt động: học sinh nắm rõ quy trình viết, lập đề cương bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam b. Nội dung thực hiện HS hoàn thành <i>Phiếu bài tập số 2</i> đã giao thực hiện ở nhà các cột (1) và (2). Lên lớp bắt cặp chia sẻ với bạn khác. Bạn hoàn thành đánh giá chéo vào cột (3). HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một vấn đề; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết	

báo cáo nghiên cứu. Sau đó một nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

1. Gv đã giao nhiệm vụ cho hs lập bảng tóm tắt ở nhà theo *Phiếu học tập số 2*. Học sinh bắt cặp chia sẻ với bạn.

Quy trình	Thao tác	Điều lưu ý
Chuẩn bị viết		
Xây dựng đề cương		
Viết		
Chỉnh sửa, hoàn thiện		

Gv gọi đại diện 1 hs trình bày phần tóm tắt và lấy ý kiến đánh giá, bổ sung.

2. Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm làm bài tập thực hành viết báo cáo nghiên cứu

Nhóm 1,2: Vai diễn “hề” trong chèo.

Nhóm 3,4: Áo dài Việt Nam trên con đường hội nhập và giao lưu văn hóa.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo cặp vào phiếu học tập số 2

Học sinh thực hành theo nhóm thiết lập đề cương

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày phần bài làm của nhóm mình. Nhóm khác phản biện, bổ sung

1. Tìm hiểu quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam

Quy trình viết gồm 4 giai đoạn:

- Chuẩn bị viết

- + Lựa chọn đề tài
- + Thu thập thông tin

- Xây dựng đề cương

- + Đặt vấn đề
- + Giải quyết vấn đề
- + Viết
- + Chỉnh sửa, hoàn thiện

- Kết luận

- Tài liệu tham khảo

2. Bài thực hành

a. Vấn đề 1: Vai diễn “hề” trong chèo

Đặt vấn đề

Nhân vật hề chèo là hồn vía của chèo cổ làm nên nét đặc sắc, giá trị độc đáo của chèo dân gian

Giải quyết vấn đề

- Tiếng cười châm biếm đả kích
- phân loại: Hề gây, hề môi, phù thủy, thầy mù, đồ điếc....
- Cách thức gây cười:
 - + tên gọi anh Nô, mẹ Đốp, cu sứt, dáng đứng, việc làm, hóa trang...
 - + tiếng đế, pha trò
 - + ngôn ngữ dân gian để nói lên nỗi lòng của

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

người bị áp bức

- Giá trị, ý nghĩa vai hề chèo

+ Đại diện cho người lao động, bênh vực cái đúng, cái thiện, lên án cái xấu

+ mang lại tiếng cười, mỉa mai, cay đắng chua xót hiện thực xã hội với nhiều cung bậc cảm xúc hi, nộ, ái, ố.

+ hề chèo như tấm gương để con người soi mình mà hoàn thiện bản thân, sửa mình.

- Hội nhập, hề chèo có còn ý nghĩa?

Trên con đường hội nhập, hề chèo nói chung và hề chèo nói riêng cần hòa quyện với nét dân tộc với hiện đại để bảo tồn tiếng cười cốt lõi của chèo.

Kết luận

Phi hề bắt thành chèo. Vai diễn hề chính là hồn cốt của một vở chèo.

➔ Chèo VN là môn nghệ thuật của sân khấu phương Đông: đẹp, thơ, đa tình, vui nhộn

Tài liệu tham khảo

1. Giá trị các vai diễn hề trong nghệ thuật chèo truyền thống

<https://vtv.vn/viet-nam-va-the-gioi/gia-tri-cac-vai-dien-he-trong-nghe-thuat-cheo-truyen-thong-20170326162906502.htm>

2. Quan âm thị kính – Nhà hát chèo Việt Nam
<https://youtu.be/ExRbnhQQW20>

3. Vở chèo Sứ Vãn – Nhà hát chèo Việt Nam
<https://youtu.be/7frGv4YAT1A>

b. Vấn đề 2: Áo dài Việt Nam trên con đường hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế.

Đặt vấn đề

Áo dài Việt là trang phục dân tộc, chứa đựng cả bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa, những quan niệm thẩm mỹ, ý thức và tinh thần dân tộc của người Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm của thời gian, số phận chiếc áo dài ra sao trên hành trình hội nhập và

giao lưu văn hóa quốc tế?

Giải quyết vấn đề

- Áo dài Việt Nam có nguồn gốc lịch sử lâu đời và thể hiện quan niệm thẩm mỹ của văn hóa Việt Nam.
- Trên con đường hội nhập, giao lưu văn hóa quốc tế, giá trị áo dài không ngừng được nâng cấp và phát huy
- Hình thành văn hóa mặc áo dài cả trên phương diện lứa tuổi, giới tính và không gian sử dụng.
- Hiện tượng lạm dụng, cải biến thái quá áo dài
- Vấn đề bản quyền và xây dựng thương hiệu áo dài Việt Nam trên thị trường quốc tế cần được quan tâm đúng mực

Kết luận

Áo dài Việt Nam là bộ quốc phục; biểu tượng cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam và làm bản sắc dân tộc Việt Nam; góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam rộng rãi khắp thế giới.

Chúng ta phải giữ gìn, bảo vệ và phát huy chiếc áo dài truyền thống của dân tộc vững bền trên con đường hội nhập với thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Hà Tùng Long, *Áo dài Việt Nam: Từ trống đồng Đông Sơn đến “đấu trường” nhan sắc quốc tế*, *dantri.com.vn*, 24-2-2016.
2. Thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát, *sites.google.com*.
3. Minh Hải - Cờ Việt, *Tổ nghề áo dài - Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát*, *kyluc.vn*, 5-4-2016.
4. Ngô Thủy, ***Lịch sử phát triển áo dài Việt Nam qua các thời kỳ***, *dientungaynay.vn*, 4-3-2020.
5. Đào Duy Anh, ***Việt Nam văn hóa sử cương***, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tái bản, 2002, tr.203-204.
6. Đại Ngọc, theo Helino, *Giữa lùm xùm mẫu*

áo dài bị “copy”, NTK Thủy Nguyễn khẳng định: “Sản phẩm kia giống thiết kế gốc của tôi đến hơn 90%”, kenh14.vn, 22-11-2019.

5. HOẠT ĐỘNG 5: DẶN DÒ VÀ PHIẾU RỜI LỚP

a. Mục tiêu hoạt động:

Hs biết viết hoàn chỉnh bài báo cáo nghiên cứu

Học sinh tự đánh giá nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện

Dựa trên dàn ý đã thiết lập, mỗi cá nhân trong nhóm ban đầu sẽ triển khai thành bài viết báo cáo hoàn chỉnh. Sau đó chấm chéo theo bảng tiêu chí giáo viên đưa ra.

Hs hoàn thành *Phiếu rời lớp*

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh ghi chú bài tập về nhà và thực hiện phiếu rời lớp

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

PHIẾU RỜI LỚP	
TÊN:	LỚP:
BÀI:	
ĐIỀU EM HỌC ĐƯỢC:	
ĐIỀU EM ẤN TƯỢNG NHẤT	
ĐIỀU EM CÒN BÀN KHOẢN...	

Phụ lục1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM 2

RUBIC ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4:

PHIẾU RỜI LỚP

PHIẾU RỜI LỚP

TÊN:

LỚP:

BÀI:

ĐIỀU EM HỌC ĐƯỢC:

ĐIỀU EM ẤN TƯỢNG NHẤT

ĐIỀU EM CÒN BẮN KHOẢN...

TIẾT 49,50. NÓI VÀ NGHE

LẮNG NGHE VÀ PHẢN HỒI VỀ MỘT BÀI THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh xác định** rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình
 - ❖ **Học sinh đánh giá** đúng được nội dung chính của bài thuyết trình (vấn đề được đề cập, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,...)
 - ❖ **Học sinh đánh giá** được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả
 - ❖ **Học sinh nhận xét** được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,... khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu
- ##### 2. Về năng lực: Học sinh vận dụng
- năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe
- ##### 3. Về phẩm chất: Học sinh thể hiện
- thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ Thảo luận cặp đôi : Xem một đoạn video về trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu đã thực hiện ở bài 4 và thảo luận cặp đôi : Theo em, bài báo cáo kết quả nghiên cứu có cần được phản hồi không? Điều quan trọng nhất khi phản hồi một bài báo cáo nghiên cứu là gì?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ : Xem một đoạn video về trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu đã thực hiện ở bài 4 và thảo luận cặp đôi : Theo em, bài báo cáo kết quả nghiên cứu có cần được phản hồi không? Điều quan trọng nhất khi phản hồi một bài báo cáo nghiên cứu là gì?	Gợi ý đáp án - Bài báo cáo kết quả nghiên cứu cần nhiều ý kiến phản hồi để giúp tác giả nhìn nhận vấn đề từ nhiều chiều, nhiều hướng, từ đó có thể hoàn thiện , bổ sung sản phẩm của mình một cách tốt nhất. - Tập trung lắng nghe và đưa ra các góp ý thiện chí, xây dựng cho công trình nghiên cứu của tác giả
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi, thống nhất câu trả lời	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một số cặp đôi trình bày, phản biện	
Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	
a. Mục tiêu hoạt động:	
❖ Học sinh xác định rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình	
❖ Học sinh đánh giá đúng được nội dung chính của bài thuyết trình (vấn đề được đề cập,	

các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,...)

❖ **Học sinh đánh giá** được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả

❖ **Học sinh nhận xét** được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,... khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu

b. Nội dung thực hiện:

❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe

❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe

❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi :

+ Theo em, trước khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần chuẩn bị những gì?

+ Khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần lưu ý những điều gì?

- GV yêu cầu nhóm 1 (tổ 1) chuẩn bị bài thuyết trình ở nhà (dựa vào báo cáo về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam), thảo luận và soát lại : vấn đề nghiên cứu, các luận điểm chính, bằng chứng, lí lẽ, những phát hiện mới, phân công người thuyết trình, minh họa, phụ trách PP...

Người thuyết trình dự kiến phần mở đầu, triển khai, kết luận.

- GV yêu cầu các nhóm còn lại thực hiện việc chuẩn bị nghe : tìm hiểu về tên bài thuyết trình, tự đặt ra những câu hỏi cần giải đáp về vấn đề, ghi lại những điều mình đã biết và muốn biết và bảng K-W-L, chuẩn bị phiếu nghe, phiếu đánh giá

Đọc kỹ các công việc của người nghe : lắng nghe phần mở đầu, kết thúc để nắm bắt mục đích; nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình, theo dõi đánh giá các hình ảnh, sơ đồ, phát hiện tư liệu bằng chứng chưa đủ độ tin cậy...

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Suy nghĩ trả lời câu hỏi :

+ Theo em, trước khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần

I- CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE

1. Chuẩn bị nói

- HS cần xây dựng một bài nói thuyết trình kết quả nghiên cứu, lưu ý nêu rõ vấn đề nghiên cứu, các luận điểm chính được đề xuất, những bằng chứng, lí lẽ đã sử dụng để làm rõ hệ thống luận điểm.

- Đặc biệt cần nhấn mạnh những phát hiện mới về vấn đề.

- Cần sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... nhằm cụ thể hóa, trực quan hóa nội dung bài thuyết trình.

2. Chuẩn bị nghe

- Cần tìm hiểu trước về tên của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu, cũng là vấn đề sẽ được trình bày để có được tâm thế chủ động khi nghe và phản hồi về bài thuyết trình

- Cần hình dung được những câu hỏi cần giải đáp về vấn đề để dễ nhận ra nét riêng trong cách tiếp cận và giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu mà tác giả bài thuyết trình đã thực hiện

- Ghi lại những điều bạn đã biết và muốn biết trước khi nghe bài thuyết trình

II- THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

1. Người nói

- Mở đầu: Nêu vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó; trình bày ngắn gọn về cách thức và quá trình thực hiện công việc nghiên cứu

- Triển khai: Dựa vào văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu để trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong công trình nghiên cứu, kết hợp với việc trình chiếu powerpoint nếu có

- Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và gợi mở những hướng tiếp cận mới

2. Người nghe

- Nắm bắt được mục đích nghiên cứu của người thuyết trình (chú ý lắng nghe phần mở đầu và

chuẩn bị những gì? + Khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần lưu ý những điều gì? - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ mà giáo viên giao. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Một HS trả lời câu hỏi, một HS khác nhận xét, bổ sung, các HS còn lại ghi chép, bổ sung vào vở - Đại diện các nhóm báo cáo việc chuẩn bị nói và nghe của nhóm mình Bước 4. Kết luận, nhận định	kết thúc của bài thuyết trình để có được những thông tin cần thiết) - Nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu (luận điểm lớn, luận điểm nhỏ, bằng chứng, hình ảnh, số liệu,...). Khi lắng nghe thuyết trình, nên ghi lại các từ khóa dùng một số kí hiệu thông dụng để đánh dấu các luận điểm lớn, luận điểm nhỏ và mối quan hệ giữa chúng - Theo dõi và đánh giá được tác dụng tích cực của các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, động tác hình thể mà tác giả của bài báo cáo nghiên cứu đã sử dụng lúc thuyết trình - Phát hiện các tư liệu, bằng chứng chưa đủ độ tin cậy trong bài thuyết trình: xem xét kĩ xuất xứ các dữ liệu, bằng chứng được cung cấp để kiểm chứng tính chính xác trung thực, đáng tin cậy của nguồn thông tin, phát hiện ra những điểm mâu thuẫn trong lập luận của người thuyết trình.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: - Nhóm 1 thực hành báo cáo kết quả nghiên cứu - Nhóm 2,3,4 : lắng nghe, điền vào phiếu nghe những thông tin mà mình nghe được, đồng thời ghi lại câu hỏi của mình trong khi nghe, nhận xét, đánh giá vào phiếu đánh giá, điền vào bảng K-W-L những điều mình học được Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm 2,3,4 chia sẻ các phiếu nghe và phiếu đánh giá của nhóm, bảng K-W-L Bước 4. Kết luận, nhận định GV đánh giá phần làm việc của các nhóm, chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham	Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)

khảo	
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ - Nhóm 2,3,4 : thảo luận đưa ra câu hỏi làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung bài thuyết trình; phản biện những điểm còn mơ hồ, thiếu chính xác, các lỗi trong bài thuyết trình; đánh giá khái quát nội dung thuyết trình; Trình bày góc nhìn, kiến giải khác (nếu có) Từ đó chốt lại một số cách phản hồi của người nghe đối với bài thuyết trình. - Nhóm 1 : tiếp nhận ý kiến của 3 nhóm, trao đổi, phản biện, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện Từ đó chốt lại một số cách tiếp nhận phản hồi của người nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm 2,3,4 lần lượt đưa ra các ý kiến trao đổi (không nêu lại những ý kiến trùng nhau) - Đại diện nhóm 1 lần lượt phản biện, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện Bước 4. Kết luận, nhận định GV đánh giá phần làm việc của các nhóm, chốt lại những lưu ý đối với người nói và người nghe khi trao đổi; nhắc HS về những nguyên tắc trong trao đổi : tôn trọng người nói, bình đẳng trong giao tiếp, cách tranh biện, giải quyết xung đột...	III- Trao đổi 1. Người nghe Sau khi lắng nghe một cách tích cực nội dung bài thuyết trình, bạn có thể phản hồi lại bằng cách: - Đặt câu hỏi với thái độ tìm hiểu chân thành đề nghị người thuyết trình làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung bài thuyết trình - Phản biện những điểm còn mơ hồ, mâu thuẫn, thiếu chính xác trong bài thuyết trình với thái độ xây dựng: chỉ ra những lỗi về lập luận, đối chiếu các dữ liệu được trình bày với các dữ liệu từ các nguồn thông tin khác để giúp người nói chỉnh sửa hoàn thiện bài thuyết trình - Đánh giá khái quát về nội dung bài thuyết trình và sự thuyết trình, chỉ ra được những điểm tích cực và điểm chưa hợp lý - Trình bày góc nhìn, cách kiến giải khác về vấn đề được bài thuyết trình đề cập (có thể là quan điểm của tác giả khác hoặc quan điểm của bạn) 2. Người nói Tiếp nhận ý kiến, phản hồi và trao đổi với các thành viên khác trong nhóm, lớp với thái độ cầu thị (bảo lưu hoặc tiếp thu, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện)

Phụ lục 1. Dàn ý bài nói tham khảo

*** Vấn đề nghiên cứu:** Nghệ thuật sân khấu chèo.

*** Một số luận điểm chính:**

- Những loại hình văn hóa như chèo, tuồng, cải lương,... qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển dù mang đậm chất địa phương của từng vùng nhưng khái quát chung vẫn mang

đậm chất văn hóa dân gian Việt Nam. Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền dân gian lâu đời nhất của Việt Nam.

- Sân khấu biểu diễn chèo đa dạng: sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.
- Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò...
- Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ.

Phụ lục 2. Bài nói tham khảo

Chèo là nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống xuất hiện từ lâu đời và mang bản sắc dân tộc đậm đà nhất của dân tộc Việt Nam. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc, chèo là một loại hình sân khấu kịch hát đậm đà tính dân tộc, với sự kết hợp nhuần nhuyễn của hàng loạt yếu tố: hát, múa, nhạc, kịch mang tính nguyên hợp vô cùng độc đáo. Cách bài trí sân khấu hát chèo là một khâu quan trọng để góp phần tạo nên giá trị văn hóa đặc sắc của loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian này.

Dựa trên khảo sát, thống kê cách bài trí sân khấu của một số vở chèo đã được trình diễn, chúng tôi nhận thấy các dụng cụ trên sân khấu của từng vở chèo đều có vai trò khác nhau, có sự liên quan đến nội dung kịch bản. Chúng tôi cho rằng không thể dùng cách bài trí sân khấu của các loại hình nghệ thuật khác để đánh giá cách bài trí sân khấu của chèo.

Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh, Nhật Bản có kịch nô đại diện cho nghệ thuật truyền thống thì tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo. Sân khấu chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, mà cũng rất đa dạng có thể là sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.

Trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm các bài dân ca, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Tiếng hát chèo đã đi vào tiềm thức của bao thế hệ người Việt, chúng ta ấn tượng về chèo qua những câu ca dao:

Ăn no rồi lại nằm khoèo

Nghe giục trống chèo bé bụng đi xem

Chẳng thèm ăn chả ăn nem

Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo

Trong kịch bản chèo, các nhân vật hiện ra qua những cái tên, qua hình tượng được tác giả tạo dựng, còn trên sân khấu chèo, các diễn viên sẽ là người lột tả cái hay, cái đẹp, cái xấu, cái ác của các nhân vật đó. Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò... Diễn hình là một số nghệ sỹ như NSUT Thu Huyền, NSUT Thảo Quyên, NSUT Văn Bằng, NSUT Thu Hà, NSND Đình

Ông, NSND Quốc Trọng,... là những nghệ sĩ đã hiện thực hóa hình tượng các nhân vật trong kịch bản chèo.

Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu v.v...

Hát chèo đã từng in đậm nét trong tiềm thức dân gian người Việt, không chỉ riêng với đồng bằng Bắc Bộ mà còn tỏa rộng, vươn xa trong đời sống văn hóa - nghệ thuật đương đại của đất nước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, các loại hình giải trí mới ra đời, nhiều người đã không còn mặn mà với sân khấu chèo nữa. Sân khấu cổ truyền Việt Nam nói chung và nghệ thuật chèo nói riêng dần dần mất đi vị thế của mình.

Các nghiên cứu về chèo nói chung và nghiên cứu về sân khấu chèo nói riêng còn tồn đọng rất nhiều vấn đề chưa được triển khai cụ thể. Chính vì vậy mà các kịch bản chèo đang dần biến mất, nghệ thuật sân khấu chèo đang dần bị lãng quên bởi sự phát triển nhanh chóng của xã hội. Chèo cần có sự thích nghi nhất định với thời cuộc để tránh bị rơi vào hoàn cảnh như một di sản phi vật thể chỉ để bảo tồn, tránh làm mất đi một trong những hình thức nghệ thuật kể chuyện bằng sân khấu tiêu biểu nhất của dân tộc.

Phụ lục 3. Phiếu nghe

TÊN BÀI THUYẾT TRÌNH		
Tên người trình bày:		
Mục đích của người nói:		
Cấu trúc bài thuyết trình	Mở bài Triển khai	
	Kết luận	
Nội dung thuyết trình	Ý chính	
	Ý phụ	
	Bảng chứng, số liệu, hình ảnh	
Câu hỏi		
Nhận xét, đánh giá		

Phụ lục 4. Rubric đánh giá bài nói

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Vấn đề thuyết trình thú vị và có ý nghĩa, giúp người nghe có thêm hiểu biết mới		
2	Thông tin về quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu		

	chính được thuyết trình rõ ràng, mạch lạc		
3	Bài thuyết trình có đủ ba phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận		
4	Người nói có phong thái tự tin, diễn đạt lưu loát, truyền cảm		
5	Các phương tiện hỗ trợ (Powerpoint, hình ảnh minh họa, bảng biểu,...) được sử dụng hiệu quả		
6	Người nói tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình		
7	Người nói có tinh thần cầu thị khi trao đổi, đối thoại với người nghe		

Tiết 51

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

Năm học: 2025 – 2026

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Văn bản sử thi	2	3	1	6
Tỉ lệ % điểm			15	30	15	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	1	1	1	1
Tỉ lệ % điểm			10	15	15	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			25	45	30	100

II. Hệ thống hóa các kiến thức đã học

Sử thi	- Nhân vật - Xác định ngôi kể - Xác định được bptt - Xác định được hình ảnh, chi tiết trong văn bản - Tác dụng của biện pháp nghệ thuật. - Xác định nội dung văn bản. - Nêu được cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
--------	--

		- Suy nghĩ cá nhân - Thông điệp, bài học.
--	--	--

	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài viết
	Văn bản nghị luận Xã hội Thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen	Dàn ý: 1. Mở bài Dẫn dắt và nêu thói quen cần từ bỏ 2. Thân bài a. Giải thích và nêu biểu hiện của vấn đề + Giải thích + Biểu hiện của vấn đề b. Bàn luận về những tác hại của thói quen cần từ bỏ c. Lợi ích của việc từ bỏ thói quen đó d. Giải pháp: Làm thế nào để từ bỏ thói quen ỷ lại người khác? 3. Kết bài Khẳng định lại tác hại của thói quen đó. • Rút ra thông điệp cho bản thân và mọi người

II. Luyện tập và vận dụng

I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm) Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Uylitxơ kể lại câu chuyện của mình cho người Phaeacia.

... Sau một cuộc đột kích thất bại, Uylitxơ và hạm đội mười hai con tàu đã bị bão đánh chệch hướng. Trên một hòn đảo, Uylit xơ đã gặp những người ăn hoa sen, họ cho thủy thủ đoàn ăn những thứ quả có thể khiến một người quên hết đi quê hương xứ sở. Uylit xơ đã phải dùng đến vũ lực để kéo họ trở lại tàu.

Sau đó, đoàn người của Uylit xơ đã cập bến một đảo hoang gần vùng đất của những tên khổng lồ một mắt Cyclop. Đoàn người đổ bộ lên bờ và đi vào hang của Polyphemus, nơi họ tìm thấy tất cả các loại pho mát và thịt mà họ đang thèm khát. Polyphemus về đến nhà và lấy một tảng đá lớn bịt lối ra, rồi bắt đầu ăn thịt đoàn người của Uylit xơ. Uylit xơ nghĩ ra một kế hoạch trốn thoát, chàng nói tên mình là "Không ai cả", lừa chuốc rượu cho Polyphemus và dùng một cây cọc gỗ đâm vào mắt hắn. Khi Polyphemus kêu cứu, các Cyclop hàng xóm đến và hỏi ai đã tấn công hắn ta, Polyphemus trả lời là "Không ai cả" nên bọn chúng bỏ đi hết. Đoàn của Uylit xơ cuối cùng cũng thoát được ra khỏi hang bằng cách nấp trên lưng của những con cừu khi chúng được lừa ra ngoài.

Tuy nhiên, khi họ trốn thoát, Uylit xơ vì chế nhạo Polyphemus nên đã vô tình để lộ thân phận. Các Cyclop kêu khóc với cha mình là Poseidon, thỉnh cầu thần trừng phạt Uylit xơ phải lang bạt trong mười năm. Sau khi trốn thoát, Aeolus đã tặng Uylit xơ một chiếc túi da đựng tất cả các cơn gió ngoại trừ gió tây, một món quà có thể giúp chàng trở về nhà an toàn. Ngay khi

nhìn thấy Ithaca từ xa, các thủy thủ đã mở chiếc túi trong khi Uylit xơ đang ngủ vì nghĩ rằng nó chứa vàng. Những cơn gió bay ra và cơn bão ập đến mang đoàn tàu trở lại nơi xuất phát. Aeolus nhận ra Uylit xơ đã chọc giận các vị thần nên từ chối giúp đỡ gì thêm.

Sau khi bị những kẻ ăn thịt người Laestrygonia phá hủy hết tất cả hạm đội, ngoại trừ con tàu của chàng, Uylit xơ lên đường đến hòn đảo Aeaëa, quê hương của nàng phù thủy Circe. Nàng đã biến một nửa số người trong đoàn thành lợn bằng pho mát và rượu có tẩm thuốc mê. Hermes đã cảnh báo Uylit xơ về Circe và đưa cho chàng một loại thảo mộc gọi là moly, giúp chàng có khả năng chống lại ma thuật của Circe. Uylit xơ buộc Circe phải biến người của mình trở lại hình dạng người, nhưng chính chàng lại bị nàng phù thủy quyến rũ.

Đoàn người ở lại trên đảo một năm. Cuối cùng, được Circe chỉ dẫn, Uylit xơ và thủy thủ đoàn băng qua đại dương và cập bờ phía tây tận cùng thế giới. Ở đây Uylit xơ phải thực hiện nghi thức hiến tế cho người chết. Uylit xơ triệu hồi linh hồn của nhà tiên tri Tiresias, ông ta cho biết đoàn người của chàng có thể trở về nếu giữ mình không ăn thịt đàn gia súc của thần Helios trên đảo Thrinacia, còn nếu vi phạm thì chàng sẽ mất toàn bộ người và tàu.

Quay trở lại Aeaëa, đoàn người chôn cất Elpenor và được Circe chỉ dẫn các chặng còn lại của cuộc hành trình. Họ đi tới vùng biển của các Siren. Tất cả các thủy thủ đều bịt tai bằng sáp ong, ngoại trừ Uylit xơ, vì muốn nghe tiếng ca của Siren nên chàng trói mình vào cột buồm và lệnh cho thủy thủ đoàn không được cởi trói để ngăn không cho chàng bị lôi kéo xuống biển. Sau đó họ băng qua vùng nước giữa quái vật sáu đầu Scylla và xoáy nước Charybdis đã cướp đi sáu người trong đoàn.

Tiếp theo, họ đổ bộ lên hòn đảo Thrinacia, dù Uylit xơ đã dặn thủy thủ đoàn phải tránh xa hòn đảo. Zeus làm nổi lên một cơn bão khiến họ không thể rời đi, trong khi nguồn thức ăn Circe cấp cho đã cạn kiệt. Trong khi Uylit xơ đi cầu nguyện, người của chàng phớt lờ lời cảnh báo của Tiresias và Circe, đi tìm bắt ăn thịt bầy linh vật của Helios. Thần Mặt trời đòi Zeus phải trừng phạt những kẻ báng bổ này. Sau đó, tàu bị đắm và tất cả đều chết đuối, ngoại trừ Uylit xơ. Uylit xơ bám được vào một cây vò và trôi dạt vào bờ biển Ogygia. Từ đó chàng bị nữ thần Calypso giam cầm trên đảo.

(Hô-me-rơ, Ô-di-xê)

Câu 1. Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy/ Xác định **nhân vật trung tâm** được kể đến trong đoạn trích.

Câu 2. Nêu những chi tiết miêu tả cuộc sống trên đảo hoang trong đoạn trích ? (0,75 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu sau: *Sau đó họ băng qua vùng nước giữa quái vật sáu đầu Scylla và xoáy nước Charybdis đã cướp đi sáu người trong đoàn.*

Câu 4. Qua đoạn trích, nhân vật Uy-lít-xơ hiện lên với những vẻ đẹp phẩm chất nào? Nét phẩm chất nào thể hiện điểm mới mẻ và hoàn thiện hơn của người anh hùng sử thi? (1,0 điểm)

Câu 5. Uy- lít -xơ lưu lạc đến vùng đảo hoang thể hiện khát vọng gì của người Hy Lạp cổ đại? (1,0 điểm)

Câu 6. Từ nội dung văn bản, hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về **một bài học có ý nghĩa đối với con người trong cuộc sống hiện nay.**

II. Viết (4 điểm)

“Tại mẹ nên con mới thế”, “Tại bạn ấy cứ đui nên con mới ngã”, “Tại trời mưa/tắc đường/hỏng xe... nên em đi học muộn”, “Tôi không thể làm xong báo cáo vì bên A chưa cung cấp đủ dữ liệu...”, “Mất mùa là tại thiên tai...”, ... Đó là hàng loạt chiêu né tránh của con người dù là trẻ con hay người trưởng thành trước khi nhận trách nhiệm của mình trong đó.

Anh / chị hãy viết bài luận (500 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói quen né tránh trách nhiệm.

TIẾT 52,53. KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

TIẾT 54. TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NL XH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NLXH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.
- b. Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.
- c. Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã học
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV Cần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLXH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NL thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	1. Đọc hiểu 2. Yêu cầu đối với bài văn NLVH

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

a. **Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. **Sản phẩm học tập:** H HS rút kinh nghiệm bài viết.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn	II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm: + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. + Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài : * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm + Bài văn nêu còn sơ sài, thiếu phần lí luận * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. - Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó. - Có em không hiểu yêu cầu đề 3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài: - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, ... - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. III. Trả bài – Gọi điểm:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. **Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn NLXH thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.